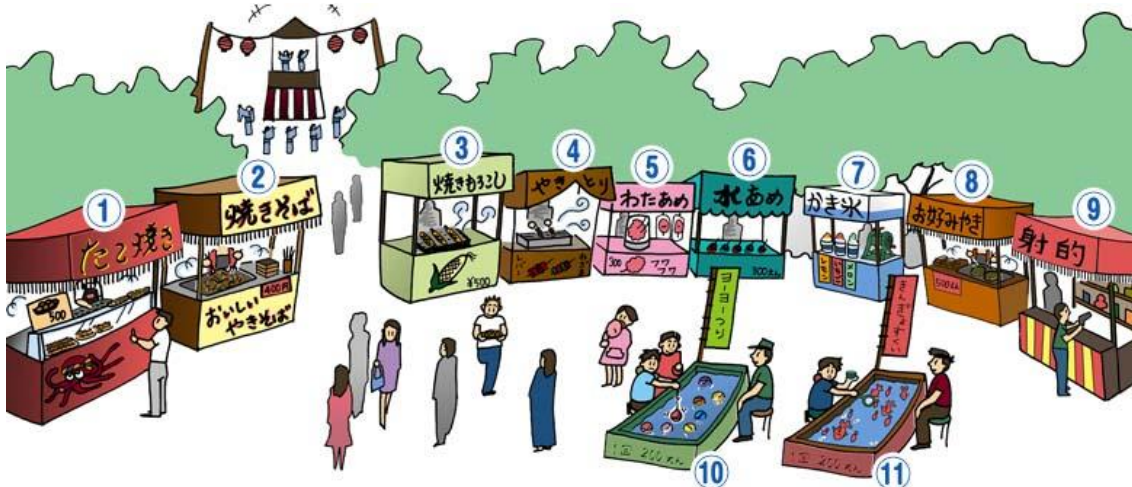


◆第15課 きぼうを言うー祭りー

Bài 15 Cách nói nguyện vọng – Lễ hội –



1. 屋台/Quầy hàng (trong lễ hội)



①	たこやき	MP3 15-v0101	món takoyaki
②	やきそば	MP3 15-v0102	mỳ xào
③	やきとうもろこし	MP3 15-v0103	ngô nướng
④	やきとり	MP3 15-v0104	thịt gà nướng
⑤	わたあめ	MP3 15-v0105	kẹo bông
⑥	みず 水あめ	MP3 15-v0106	kẹo mút
⑦	かき こおり 氷	MP3 15-v0107	đá bào
⑧	この お好みやき	MP3 15-v0108	bánh xèo "Okonomiyaki"
⑨	しやてき 射的	MP3 15-v0109	bắn súng
⑩	ヨーヨーつり	MP3 15-v0110	câu bóng
⑪	きんぎょ 金魚すくい	MP3 15-v0111	vớt cá vàng

2. 家族の呼び方/Cách gọi thành viên trong gia đình



①	はは かあ 母 (お母さん)	MP3 15-v0201	mẹ (mẹ mình)
②	ちち とう 父 (お父さん)	MP3 15-v0202	bố (bố mình)
③	あに にい 兄 (お兄さん)	MP3 15-v0203	anh trai
④	あね ねえ 姉 (お姉さん)	MP3 15-v0204	chị gái
⑤	そふ 祖父 (おじいさん)	MP3 15-v0205	ông (ông mình)
⑥	そぼ 祖母 (おばあさん)	MP3 15-v0206	bà (bà mình)
⑦	いもうと 妹	MP3 15-v0207	em gái
⑧	わたし 私	MP3 15-v0208	tôi
⑨	おとうと 弟	MP3 15-v0209	em trai
⑩	ペット	MP3 15-v0210	thú cưng